

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2020/DS-PT

Ngày 24/02/2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn - Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐ-PT ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B -Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vy Thế P(Vi Thế P), sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lương Thị Kim M, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ(Nguyễn Kim Đ), sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Vi Văn L(Vy Văn L), sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn C, xã

B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Bà Hà Thị C, sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Vy Thị Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ngõ A, khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Vy Văn L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Chị Vy Thị Q, anh Vy Văn L, chị Hoàng Thị M đã ủy quyền cho ông Vy Thế P theo Giấy ủy quyền ngày 04/11/2019.

7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn T, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường (theo quyết định số 3038/QĐ-UBND, ngày 16/9/2019). Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hồng X, vắng mặt.

2. Ông Hứa Dính D (Hứa Viết D), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Ông Nguyễn Khắc M, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Khắc Đ, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Khắc H, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/5/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/9/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông với ông Vy Thế P. Tổng diện tích đất tranh chấp là 4545m², thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tài sản trên đất gồm có: 06 cây hồng, 01 cây trám to, 01 cây trám nhỏ, 01 cây dẻ, 05 cây gỗ tạp. Thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 6577m² có nguồn gốc đất do ông cha để lại: Từ năm 1941 cụ Nguyễn Khắc D đã để lại cho con trai là Nguyễn Khắc L, đến năm 1950 ông Nguyễn Khắc L để lại cho con trai là Nguyễn Khắc H (bố vợ của ông), năm 1976 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Kim Đ) người cùng thôn, ông ở “rẻ” nên được bố mẹ vợ chia cho diện tích đất tại Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trong khu rừng này có rất nhiều cây hồi, cây hồng, cây trám và nhiều cây

gỗ tạp lớn trên 100 năm tuổi do ông cha để lại, cây dễ mọc tự nhiên. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 556771 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01309 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Gia đình ông thường xuyên phát quang, quản lý liên tục, không có tranh chấp với ai. Đến khoảng tháng 8 năm 2017, ông đi viện điều trị thì ông Vy Thế P đến tranh chấp. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết để ông được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 4545m² thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 06 cây hồng, 01 cây trám to, 01 cây trám nhỏ, 01 cây dẻ, 05 cây gỗ tạp có trên đất. Ông Hoàng Văn H yêu cầu giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trưng cầu giám định với tổng số tiền là 13.100.000 đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng) mà ông đã nộp tạm ứng và miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2019, biên bản lấy lời khai các ngày 02, 22/7/2019 và ngày 24/9/2019, bị đơn ông Vy Thế P trình bày: Diện tích tranh chấp 4545m² thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp do họ Vy quản lý mấy đời, trên rừng có các cây cổ thụ như: Cây trám trắng, cây đa và các loại cây khác trồng từ thời điểm nào thì ông không biết; do khó khăn nghèo đói nên họ Vy đã bán lại cho họ Nguyễn là: Nguyễn Khắc K, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Khắc H, khu đất này có cây Hối già nay vẫn còn có. Hiện nay Nguyễn Khắc K, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Khắc H đã chết. Năm 1973, 1974 ông Nguyễn Khắc H đã chặt phá rừng trên dưới 200m² theo chiều dài ban đầu trồng ngô, sau là trồng cây hồng đến bây giờ cây hồng đã chết hết phải trả đất lại cho gia đình ông. Về diện tích đất tranh chấp trên năm 1994 ông đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 510/UB-QĐ ngày 16/12/1994 với các lô 6, 7, 18. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu cây trên đất. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định với tổng số tiền là 13.100.000 đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, do nguyên đơn khởi kiện nên nguyên đơn tự phải chịu chi phí này, ông đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2019 cùng những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Kim Đ) cho biết: Về nguồn gốc diện tích đất do ông cha để lại, đến năm 1977 bố của bà là ông Nguyễn Khắc H đã giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn H quản lý, sử dụng. Từ đó đến nay bà và chồng bà quản lý liên tục thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nay bà nhất trí với ý kiến ông Hoàng Văn H đã đưa ra ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị C cho biết: Bà về làm dâu tại nhà ông Vy Thế P từ năm 1967, sau khi về làm dâu bà đã cùng gia đình chồng quản lý liên tục diện tích đất tranh chấp. Đến năm 1994 đã được Nhà nước

giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 510/UB-QĐ ngày 16/12/1994 với các lô 6, 7, 18. Nay bà nhất trí với ý kiến của ông Vy Thế P đã nêu ở trên.

Tại bản tự khai đề ngày 02/7/2019 cùng những lời trình bày tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn L (Vy Văn L) cho biết: Hồi còn nhỏ anh cũng không được lên diện tích đất tranh chấp, cho đến khi lớn anh có biết gia đình anh đã được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 510/UB-QĐ ngày 16/12/1994. Hiện nay vị trí diện tích đất tranh chấp ở đâu anh cũng không biết và cũng không liên quan gì đến việc tranh chấp. Theo anh diện tích đất có cây hồng và cây hồi là đất của ông Hoàng Văn H. Diện tích đất tranh chấp chỉ khoảng 200m² ở phần giáp ranh đất giữa hai gia đình chứ không phải 4545 m². Do đó đối với yêu cầu của ông Hoàng Văn H anh không nhất trí và cũng không hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bố anh là ông Vy Thế P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị M, chị Vy Thị Q, anh Vy Văn L đã ủy quyền cho ông Vy Thế P trình bày: Bản thân không liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp, nay đã ủy quyền cho ông Vy Thế P. Do đó đều thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Vy Thế P.

Người làm chứng ông Nguyễn Hồng X trình bày: Ông sinh ra và lớn lên ở thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ nhỏ cho đến nay, gia đình ông cũng có diện tích đất gần đất tranh chấp do đó ông cũng biết được nguồn gốc diện tích đất là do ông cha để lại cho ông Hoàng Văn H và ông cũng được chứng kiến việc gia đình ông Hoàng Văn H thường xuyên canh tác, phát quang đất rừng và trồng cây hồng, cây hồi; đến vụ hồng nếu có quả vẫn vào thu hoạch.

Ông Nguyễn Khắc M trình bày: Bản thân ông cũng có diện tích đất tiếp giáp với đất nhà ông Hoàng Văn H ở phía đông, khi ông Hoàng Văn H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng được ký giáp ranh. Ông thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn H là đúng vì nguồn gốc đất là do ông cha để lại. Bản thân ông cũng thường xuyên lên phát quang rừng nên ông cũng thấy vợ chồng ông Hỷ lên phát quang rừng.

Ông Hứa Đình D(Hứa Viết D), ông Nguyễn Khắc Đ, ông Nguyễn Khắc H trình bày: Bản thân các ông không có đất cạnh diện tích đất tranh chấp do đó các ông không biết về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp, cũng như không biết gì về việc tranh chấp giữa ông Hoàng Văn H và ông Vy Thế P.

Tại Công văn 2380/UBND-TNMT ngày 15/11/2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng thời điểm ông Hoàng Văn H xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp tập thể theo dự án) thì quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Những sai sót về quy trình cấp giấy chứng nhận như đơn xin cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người được cấp chưa ký, cũng như thông báo công khai đã ký và đóng dấu nhưng chưa ghi ngày cụ thể đây là những thiếu sót trong quá trình cấp giấy chứng nhận; những thiếu sót trên không phải là căn cứ để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì căn cứ vào nguồn gốc đất do ông cha để lại và quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn H không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất vì vậy về đối tượng, thẩm quyền đúng theo quy định tại luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Hoàng Văn H có ý kiến: Về nguồn gốc diện tích đất và nguyên nhân xảy ra tranh chấp như nguyên đơn ông Hoàng Văn H đã trình bày ở trên. Từ khi được bố mẹ vợ cho đất đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Hoàng Văn H quản lý và sử dụng liên tục không xảy ra tranh chấp, đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì xảy ra tranh chấp với ông Vy Thế P. Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mặc dù có sai sót như trong đơn người đề nghị chưa ký, tuy nhiên về đối tượng và thẩm quyền là đúng theo quy định pháp luật, vì vậy đối với yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Hơn nữa theo kết luận giám định tư pháp diện tích đất tranh chấp nằm một phần ở thửa 228, tờ bản đồ số 1 xã B, không trùng với lô số 6,7,18 của ông Vy Thế P; do không có bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994, dựa trên sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp kèm theo hồ sơ giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng của ông Vy Thế P làm tài liệu đối chiếu thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần lô số 4, 14. Tuy nhiên Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ không xác định được lô số 4, 14 đã cấp cho ai, trong quá trình quản lý sử dụng ông Hoàng Văn H ngoài tranh chấp với ông Vy Thế P thì không xảy ra tranh chấp với ai. Do đó đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng: Đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông Hoàng Văn H đã nộp đơn yêu cầu xin miễn án phí, đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định miễn án phí đối với ông Hoàng Văn H, do ông Hoàng Văn H là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số thường trú tại xã đặc biệt khó khăn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Vy Thế P có ý kiến: Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông cha để lại ranh giới từ cây đa thẳng xuống khe, năm 1994 ông Vy Thế P đã được giao hồ sơ quản lý rừng và đất trồng rừng. Năm 2010 ông Hoàng Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên ông Vy Thế P không được ký giáp ranh, về quy trình cấp giấy chứng nhận có những sai sót như: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người đề nghị được cấp chưa ký, cũng như thông báo công khai đã ký và đóng dấu nhưng chưa ghi ngày cụ thể, diện tích đất sai về địa danh là những thiếu sót về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa xác định lô 4, 14 là của ai nên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn H.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 17/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên.

Căn cứ Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 105, Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 42, Điều 135, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; Điều 14, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Điều 101, Điều 106, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 159, khoản 1 Điều 160, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H: Ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 4545m² nằm trong thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 556771 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01309 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Diện tích đất ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng. *(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).*

Ông Hoàng Văn H được sở hữu tài sản trên đất gồm có: 06 cây hồng, 01 cây trám to, 01 cây trám nhỏ, 01 cây dẻ, 05 cây gỗ tạp trên diện tích 4545m² đất thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã, địa danh tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Vy Thế P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định là 13.100.000, đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Ông Vy Thế P phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn H số tiền 13.100.000 đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi xuất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Hoàng Văn H. Yêu cầu ông Hoàng Văn H cung cấp sổ xanh năm 1994 của cha ông để lại để chứng minh. Yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ, tại phiên tòa người kháng cáo là ông Vy Thế P và bà Hà Thị C cùng thừa nhận Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và mảnh trích đo của Trung tâm công nghệ Tài nguyên và Môi trường là đúng. Hơn nữa, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vy Thế P và bà Hà Thị C. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Vy Thế P và bà Hà Thị C xác nhận theo sơ họa thì cây hồi nằm trên danh giới đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn H trồng, nhưng Bản án sơ thẩm chưa xem xét giao tài sản gắn liền với đất cho ông H quản lý sử dụng là thiếu sót. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Vy Thế P và bà Hà Thị C. Về tài sản gắn liền với đất đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Giao cây hồi trên đường danh giới đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn H quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị M, chị Vy Thị Q, anh Vy Văn L, nhưng đã có ủy quyền cho bị đơn ông Vy Thế P. Người làm chứng ông Nguyễn Hồng X, ông Nguyễn Khắc M, ông Nguyễn Khắc H, ông Hứa Dính D(Hứa Viết D), ông Nguyễn Khắc Đ vắng mặt đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C, kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp cho ông Hoàng Văn H. Yêu cầu ông Hoàng Văn H cung cấp sổ xanh năm 1994 của cha ông để lại để chứng minh. Yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng; yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Hoàng Văn H là không có căn cứ. Bởi, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi thụ lý giải quyết đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng

Son và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác định được diện tích đất tranh chấp địa chỉ thuộc Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của xã B chỉ có 01 thửa đất 228, đã cấp cho ông Hoàng Văn H. Diện tích đất tranh chấp là 4545m² thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại, năm 1976 ông Hoàng Văn H kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Kim Đ) người cùng thôn, ông ở “rẻ” nên được bố mẹ vợ chia cho, trong quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010. Thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ tại thực địa thửa đất số 228 ở phần diện tích đất tranh chấp có cây hồng đường kính 20 - 25 cm, cây trám, cây dẻ và cây hổi. Mặt khác, bị đơn ông Vy Thế P cũng khẳng định ranh giới diện tích đất giữa hai gia đình là từ cây đa trở xuống, chỗ nào có cây hổi già là đất của ông Hoàng Văn H; anh Vi Văn L là con trai ông Vy Thế P cũng đã khẳng định chỗ nào có cây hồng, cây hổi là đất của ông Hoàng Văn H; người làm chứng ông Nguyễn Hồng X, Nguyễn Khắc M cũng xác nhận rằng ông Hoàng Văn H và vợ ông thường xuyên quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp nêu trên. Hơn nữa, hiện nay ông Vy Thế P đang tự nhận quản lý và sử dụng thửa đất 185, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, diện tích 66.484m² Ủy ban nhân dân xã không xác minh được do thửa đất đó là loại đất rừng phòng hộ, đến thời điểm hiện nay chưa có hộ gia đình, cá nhân nào đăng ký sử dụng đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Phụng cũng chưa đăng ký với cơ quan có thẩm quyền; hồ sơ địa chính thể hiện thửa đất này là đất rừng phòng hộ, hiện trạng trên đất là các loại cây tự nhiên. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định, căn cứ vào kết quả giám định tư pháp và Công văn số 1783/CV-VP ngày 12/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đã kết luận “Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần của thửa đất số 228, tờ bản đồ địa chính số 01, tỷ lệ 1/10000, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Không trùng với các lô 6,7,18 diện tích 5,06 ha ghi trong hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của ông Vy Thế P. Từ những phân tích trên kháng cáo của ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Hoàng Văn H, không được chấp nhận, vì không có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu ông Hoàng Văn H cung cấp sổ xanh năm 1994 của cha ông để lại để chứng minh và yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy rằng; Do cơ quan chuyên môn của huyện C dựa trên Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cấp cho hộ gia đình ông Vy Thế P làm tài liệu đối chiếu thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần của lô số 04, 14”. Ngày 08/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 03/2019/QĐ-TCGD; trên cơ sở yêu cầu của giám định viên Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Hạt kiểm lâm huyện C; Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các đơn vị trên đều xác nhận hiện nay không lưu trữ sổ lâm bạ năm 1994, Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994. Do đó không thể kết luận được lô số 04 và lô số 14 hiện nay do ai quản lý. Mặt khác, đối chiếu

với bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 thì lô số 04 cấp cho ông Nông Văn P, lô số 14 cấp cho ông Chu Văn Đ. Tuy nhiên, Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 khác Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994 về địa danh, diện tích đất; lô số 04 cấp cho ông Nông Văn P địa chỉ ở thôn N (nay là thôn C); lô 14 cấp cho ông Chu Văn Đ địa chỉ thôn C không phải ở địa chỉ thôn C. Lô 04, 14 cách xa diện tích đất tranh chấp. Hơn nữa, lô số 04 cấp cho ông Nông Văn P hiện nay đã quy thuộc về Trung Quốc, từ đó đến nay ông Nông Văn P cũng không quản lý, sử dụng; còn diện tích lô số 14 hiện nay ông Chu Văn Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vẫn quản lý sử dụng ổn định. Do đó lô số 04, 14 theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 không liên quan gì đến phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn H và ông Vy Thế P. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: Diện tích 4545m² đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn H và ông Vy Thế P thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Văn H, căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, lời khai của các bên đương sự và người làm chứng. Xét thấy, yêu cầu của ông Vy Thế P và bà Hà Thị C được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 4545m² và tài sản khác gắn liền với đất không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, kháng cáo của ông Vy Thế P là bị đơn và bà Hà Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Hoàng Văn H. Yêu cầu ông Hoàng Văn H cung cấp sổ xanh năm 1994 của cha ông để lại để chứng minh. Yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Vy Thế P và bà Hà Thị C, thừa nhận theo sơ họa của Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và mảnh trích đo của Trung tâm công nghệ Tài nguyên và Môi trường thì cây hồi nằm trên danh giới đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn H trồng, nên đã xác nhận và đồng ý tính mốc giới tranh chấp từ cây hồi. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về tài sản gắn liền với đất. Việc sửa một phần Bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Do cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm nên ông Vy Thế P và bà Hà Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông Vy Thế P và bà Hà Thị C, thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án; ông Vy Thế P và bà Hà Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vy Thế P và bà Hà Thị C; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 17/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 105, Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 42, Điều 135, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; Điều 14, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Điều 101, Điều 106, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 159, khoản 1 Điều 160, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H: Ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 4545m² nằm trong thửa đất số 228, tờ bản đồ 1, địa chỉ: thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 556771 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01309 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Diện tích đất ông Hoàng Văn H được quyền quản lý và sử dụng. *(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).*

Ông Hoàng Văn H được sở hữu tài sản trên đất gồm có: 06 cây hồng, 01 cây trám to, 01 cây trám nhỏ, 01 cây dẻ, 05 cây gỗ tạp và 01 cây hồi nằm trên danh giới đất tranh chấp, trên diện tích 4545m² đất thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, địa danh tại, thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Vy Thế P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định là 13.100.000, đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Ông Vy Thế P phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn H số tiền 13.100.000 đồng (mười ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và

chi phí giám định và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông Vy Thế P và bà Hà Thị C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Đức Chiến

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn

Lộc Sơn Thái

Cao Đức Chiến